**TÀI LIỆU HỎI ĐÁP TÌM HIỂU QUY ĐỊNH VỀ BẦU CỬ**

**VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC**

**I. TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẦU CỬ**

***1. Xin cho biết, Nhà nước, bản chất nhà nước và quyền lực nhà nước ta được quy định trong Hiến pháp như thế nào?***

***Trả lời***

Nhà nước, bản chất nhà nước và quyền lực nhà nước ta được Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định như sau:

1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

3. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

4. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

***2. Hiến pháp năm 2013 khẳng định “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”, đề nghị cho biết, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng những phương thức nào?***

***Trả lời***

Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân là một nguyên tắc cơ bản, được ghi nhận xuyên suốt trong cả năm bản Hiến pháp của nước ta (Hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013).

Theo quy định tại Điều 6 Hiến pháp năm 2013, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.

*Dân chủ trực tiếp* được hiểu là việc Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước; trực tiếp thể hiện ý chí của mình (với tư cách là chủ thể quyền lực nhà nước) mà không cần thông qua cá nhân hay tổ chức thay mặt mình và ý chí đó có ý nghĩa bắt buộc phải thi hành.

Phương thức thực hiện quyền lực nhà nước của Nhân dân bằng dân chủ trực tiếp như sau:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp và pháp luật, bao gồm:

+ Thực hiện quyền bầu cử, bãi nhiệm, quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

+ Thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, của địa phương và cả nước.

+ Thực hiện quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

+ Thực hiện quyền tham gia xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp, pháp luật (như góp ý dự thảo Hiến pháp, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và thi hành các quy định đó sau khi được ban hành; phản ánh các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm quy định pháp luật).

+ Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; quyền giám sát đối với đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện nhiệm vụ công vụ (khi giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức mà phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ… công dân có quyền tố cáo, phản ánh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết).

+ Thực hiện quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước (công dân đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật có quyền tham gia thi tuyển, xét tuyển vào các cơ quan Nhà nước để làm việc).

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức xã hội khác do Nhân dân lập ra.

*Dân chủ đại diện* là hình thức Nhân dân thông qua các cơ quan nhà nước, các cá nhân được Nhân dân ủy quyền để thực hiện ý chí của Nhân dân.

Phương thức thực hiện quyền lực nhà nước của Nhân dân bằng dân chủ đại diện như sau:

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân: Nhân dân có quyền đề xuất ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị các vấn đề của cơ sở, của địa phương và của đất nước để Quốc hội, Hội đồng nhân dân xem xét, giải quyết.

- Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan khác của Nhà nước, như: Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp… và thông qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác được giao thực thi quyền lực nhà nước.

***3. Đề nghị cho biết, quyền bầu cử, quyền ứng cử là gì?***

***Trả lời***

Quyền bầu cử, quyền ứng cử là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân.

Quyền bầu cử là quyền của công dân lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là quyền của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử làm đại biểu Quốc hội, ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân.

***4.*** ***Đề nghị cho biết ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026?***

***Trả lời***

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức năm 2021, sau 35 năm đổi mới, đất nước đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh thương mại, công nghệ, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, nhân tố bất ổn mới. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân.

Trước yêu cầu đó và để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng phát triển đất nước cũng như các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã thông qua, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 vô cùng ý nghĩa và quan trọng.

Ý nghĩa của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026: Thông qua cuộc bầu cử sẽ bầu ra đại biểu đại diện cho nhân dân tại Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, đại biểu đại diện cho nhân dân địa phương tại Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã góp phần tạo sự đồng bộ trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương. Vì vậy, việc lựa chọn, bầu ra những người tiêu biểu về đức, tài, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới là một nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong năm 2021.

Tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026: Nhằm lựa chọn, bầu ra những đại biểu tiêu biểu, xứng đáng, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh từ đó quyết định chính sách phát triển kinh tế, đối ngoại, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, ổn định chính trị - xã hội; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đề ra; tạo nền tảng để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

***5.  Xin cho biết, mục đích tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là gì?***

***Trả lời***

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, cũng là năm tổ chức bầu cử Quốc hội khoá XV và Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021– 2026. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn liền với công tác cán bộ, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành.s

Mục đích của cuộc bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, nhằm bầu ra những đại biểu xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân tại Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, tại Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã - là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, để xây dựng bộ máy nhân sự Quốc hội khóa mới (khóa XV) thay thế cho bộ máy nhân sự Quốc hội khóa cũ (khóa XIV) đã hết nhiệm kỳ và xây dựng bộ máy nhân sự của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ khóa mới giai đoạn 2021-2026.

***6. Đề nghị cho biết, các cấp ủy, các tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 như thế nào?***

***Trả lời***

Để lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, ngày 20/6/2020, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 45-CT/TW. Theo đó, Bộ Chính trị yêu cầu *các cấp uỷ, các tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ* sau đây:

***Một là,*** xây dựng kế hoạch cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử; bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

***Hai là,*** lãnh đạo thực hiện tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ. Gắn kết quả nhân sự của đại hội đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị nhân sự để giới thiệu những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức và năng lực, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, có điều kiện thực hiện nhiệm vụ tham gia làm đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Kiên quyết không giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn, nhất là những người sa sút về phẩm chất đạo đức, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, xu nịnh, kiêu ngạo, quan liêu, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước.

***Ba là,*** phấn đấu giới thiệu, lựa chọn bầu được những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thật sự tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân; bảo đảm đủ tiêu chuẩn, đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, trong đó lấy tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu làm trọng tâm, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Phấn đấu bầu đủ 500 đại biểu Quốc hội và đạt tỉ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách.

***Bốn là,*** việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải bảo đảm theo đúng quy trình luật định và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền. Các cấp uỷ đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trong việc tổ chức hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong công tác bầu cử, bảo đảm các điều kiện thuận lợi để mọi công dân thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

***Năm là,*** nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cụ thể, chặt chẽ các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị phụ trách tổ chức bầu cử; quy trình đề cử, ứng cử; việc phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội do Trung ương giới thiệu; việc thẩm định hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; việc tuyên truyền, vận động bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quy định cụ thể đối với việc tự ứng cử, phải có quy trình thật chặt chẽ, đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Quy định rõ việc gì được làm, việc gì không được làm trong vận động bầu cử; tránh tình trạng "vận động" không lành mạnh; khắc phục hiệu quả những hạn chế, khuyết điểm trong tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các khoá gần đây.

***Sáu là,*** chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; về vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; về vị trí, vai trò của người đại biểu nhân dân; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Động viên mọi cử tri tự giác, tích cực và chủ động tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ về danh sách người ứng cử; mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, đề cao trách nhiệm, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia bầu cử.

***Bảy là,*** chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng các phương án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân; ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật về bầu cử. Kiên quyết đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc, âm mưu, hành động phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối. Có các phương án chủ động ứng phó với những tình huống thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử.

***Tám là,*** các tỉnh uỷ, thành uỷ thành lập ban chỉ đạo để lãnh đạo toàn diện công tác bầu cử, làm tốt công tác giới thiệu người ứng cử ở địa phương, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương.

***Chín là,*** Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương, Hội đồng Bầu cử quốc gia, cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chỉ thị này; chủ động phối hợp chặt chẽ trong quá trình chỉ đạo, tổ chức bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thành công tốt đẹp.

***7. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?***

***Trả lời***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Hiến pháp năm 2013, quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Quyền bầu cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội.

Vì vậy, thực hiện bầu cử vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của công dân.

***8. Xin cho biết, ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được quy định là ngày nào?***

***Trả lời***

Theo Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thì ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 sẽ được tiến hành vào Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.

***9. Xin hỏi, thời gian bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Thời gian bỏ phiếu bầuđại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định cụ thể tại Điều 71 Luật Bầu của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, cụ thể như sau:

1. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

2. Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

3. Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

***10. Đề nghị cho biết địa điểm bỏ phiếu bầu được quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thì: Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương như: nhà văn hóa, hội trường, trường học,... và căn cứ mật độ phân bổ dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự.

***11. Con trai tôi sinh ngày 20/5/2003 thì có đủ tuổi để đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 không?***

***Trả lời***

Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Công dân từ đủ 18 tuổi tính đến Ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021, tức là ***có ngày sinh từ ngày 23 tháng 5 năm 2003 trở về trước*** thì được xác định là đủ tuổi để được ghi vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

*Cách tính tuổi công dân được thực hiện như sau:*

- Tuổi của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã được ấn định (ngày 23 tháng 5 năm 2021). Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào thông tin ghi trong Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

- Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng sinh dương lịch của năm trước đến ngày, tháng sinh dương lịch của năm sau.

- Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

Như vậy, con trai ông/bà sinh ngày 20/5/2003, thì tính đến ngày 23/5/2021 là đã đủ 18 tuổi và đủ tuổi để được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

***12. Anh Nguyễn Văn A bị Tòa án tuyên bố là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Xin hỏi, anh A có được ghi tên vào danh sách cử tri đi bầu đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 không?***

***Trả lời***

Theo Điều 29 [Luật bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Bau-cu-dai-bieu-Quoc-hoi-va-dai-bieu-Hoi-dong-nhan-dan-2015-282376.aspx) thì mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự làngười nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình và theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Người bị hạn chế năng lực dân sự bản thân vẫn nhận thức được hành vi của mình nên họ vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri, được thực hiện quyền bầu cử của công dân.

Theo đó, anh A vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri đi bầu đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

***13. Nguyễn Văn B hiện đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Xin hỏi, B sẽ được ghi tên vào danh sách cử tri như thế nào?***

***Trả lời***

Pháp luật về bầu của quy định,cử tri là người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có cơ sở giáo dục bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Theo đó, sẽ có 02 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp 1, nếu đến thời điểm bỏ phiếu mà B vẫn đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì B sẽ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi B đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

- Trường hợp 2, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà Nguyễn Văn B được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có cơ sở giáo dục bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

***14. Anh Nguyễn Văn A bị Tòa án kết án phạt tù vì tội trộm cắp tài sản nhưng được hưởng án treo. Vậy xin hỏi A có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?***

***Trả lời***

Khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri”.

Như vậy, nếu anh A đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo, nếu không bị tước quyền bầu cử (trong bản án không ghi hình phạt bị tước quyền bầu cử) vẫn có quyền bầu cử và được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình cư trú để tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

***15. Xin cho hỏi, người không phải là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không?***

***Trả lời***

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, thì tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Việc thực hiện quyền này do luật định.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Luật tổ chức Quốc hội. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương. Cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại biểu Quốc hội** | **Đại biểu Hội đồng nhân dân** |
| + Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.  + Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.  + Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.  + Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.  + Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.  + Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội. | + Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.  + Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.  + Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.  + Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.  + Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm. |

Như vậy, Hiến pháp và pháp luật không quy định cấm người không phải là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Mọi công dân Việt Nam nếu đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chuẩn Hiến pháp và pháp luật quy định thì đều có thể tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

***16. Chị H sinh ngày 15/03/1965 hiện nay là cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ huyện M. Trong đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 của huyện, chị H có mong muốn được lần đầu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách có được không?***

***Trả lời***

Căn cứ vào [Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Huong-dan-36-HD-BTCTW-2021-cong-tac-nhan-su-dai-bieu-Quoc-hoi-khoa-XV-463115.aspx) ngày 20/01/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân dân các cấp nhiệm kỳ năm 2021-2026, độ tuổi, cán bộ, công chức, viên chức lần đầu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách phải đủ tuổi tham gia 02 nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân trở lên hoặc ít nhất trọn một nhiệm kỳ, nam sinh từ tháng 02/1966, ***nữ sinh từ tháng 01/1971 trở lại đây***; nhân sự tái cử phải còn đủ tuổi công tác ít nhất là 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tính từ tháng 5/2021, nam sinh từ tháng 8/1963, nữ sinh từ tháng 7/1968 trở lại đây và sẽ nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định của [Bộ Luật Lao động 2019](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx).

Như vậy, đến nay, chị H không đủ điều kiện về độ tuổi để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Chị H sinh năm 1965, trong khi đó yêu cầu về độ tuổi đối với nữ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là sinh từ tháng 01/1971 trở lại đây),.

***17. Đề nghị cho biết, những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?***

***Trả lời***

Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định các trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, gồm:

- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

- Người đang bị khởi tố bị can.

- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.

- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Người chưa đủ 21 tuổi.

***18. Đề nghị cho biết số người được giới thiệu là phụ nữ, người dân tộc thiểu số ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV thì:

Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

Số người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cũng phải bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương.

***19.*** ***Đề nghị cho biết, Hội nghị hiệp thương là gì? Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức qua mấy Hội nghị hiệp thương?***

***Trả lời***

Hội nghị hiệp thương là hội nghị giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên được tiến hành ở Trung ương và địa phương để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cũng như việc lập danh sách sơ bộ và lựa chọn, lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Pháp luật quy định việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức qua 03 Hội nghị hiệp thương, ở Trung ương do Đoàn Chủ tịch Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức.

***20. Đề nghị cho biết, việc bầu cử phải tuân theo nguyên tắc nào?***

***Trả lời***

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn, giới thiệu, bầu người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, pháp luật quy định, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc **phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.**

***21. Xin cho hỏi, pháp luật quy định như thế nào về nguyên tắc bỏ phiếu?***

***Trả lời***

Điều 69 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định các nguyên tắc bỏ phiếu, gồm:

1. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

2. Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

5. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

6. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

7. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

8. Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

***22. Đề nghị cho biết cách thức bỏ phiếu khi đi bầu cử được quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 10Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thì cách thức bỏ phiếu như sau:

- Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên hàng chữa họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử (không gạch tên người ứng cử nào) hoặc gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu.

- Khi cử tri gạch phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri gạch nhầm hoặc bị hư hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

- Cử tri không thể tự gạch phiếu bầu thì nhờ người khác gạch phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người gạch phiếu phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định.

- Người gạch hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Người khuyết tật không thể bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

***23. Xin cho biết,*** ***phiếu bầu không hợp lệ là phiếu như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì những phiếu bầu sau đây là phiếu bầu không hợp lệ:

a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

b) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;

c) Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;

đ) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Bên cạnh đó, tại khoản 2 của Điều luật này quy định, trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trường Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

***24. Tôi hiện cư trú tại phường A, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Xin hỏi, việc bầu đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành ở những cấp nào?***

***Trả lời***

Tại mục 11 Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định rõ: “Ủy ban nhân dân các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về mô hình tổ chức chính quyền đô thị. Trong đó, tại quận, phường của thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tại phường của thành phố Hà Nội sẽ không tổ chức bầu đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 -2026”.

Theo đó, việc bầu của đại biểu Hội đồng nhân dân ở thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 -2026 sẽ chỉ tiến hành ở cấp thành phố.

**25*. Tôi là người dân sống tại tỉnh Đăk Lắk, tôi được biết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội sắp tới, tỉnh tôi được bầu 9 đại biểu Quốc hội, trong đó đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương của tỉnh tôi là 5 người, đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu là 4 người. Đề nghị cho biết, cơ quan nào phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như vậy? Việc phân bổ dựa trên nguyên tắc nào?***

***Trả lời***

Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Số lượng cụ thể đại biểu Quốc hội ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV.

Nguyên tắc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 như sau:

- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất là 06 đại biểu Quốc hội.

Trong đó:

+ Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 03 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương. Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương.

+ Dự kiến phân bổ đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bầu ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

i. Đoàn đại biểu Quốc hội có 06 đại biểu thì có 02 đại biểu Trung ương.

ii. Đoàn đại biểu Quốc hội có 07 đại biểu thì có 03 đại biểu Trung ương.

iii. Đoàn đại biểu Quốc hội có 08 đại biểu thì có 03-04 đại biểu Trung ương.

iv. Đoàn đại biểu Quốc hội có 09 đại biểu thì có 04 đại biểu Trung ương.

v. Đoàn đại biểu Quốc hội có 11 đến 14 đại biểu thì có 05-07 đại biểu Trung ương.

vi. Đoàn đại biểu Quốc hội có 29-30 đại biểu thì có 14-15 đại biểu Trung ương.

***26. Đề nghị cho biết nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân phường được quy định như thế nào? Phường tôi có 9.800 dân thì sẽ được bầu bao nhiêu đại biểu Hội đồng nhân dân phường?***

***Trả lời***

Căn cứ Điều 60 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân phường được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phường có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 21 đại biểu.

- Phường có trên 10.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Như vậy, phường nơi ông/bà cư trú có 9.800 dân thì sẽ được bầu 21 đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

***27. Đề nghị cho biết đơn vị bầu cử là gì? Có bao nhiêu loại đơn vị bầu cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?***

***Trả lời***

Các cuộc bầu cử phải được tiến hành theo các đơn vị bầu cử. Đơn vị bầu cử là khái niệm chỉ một phạm vi địa lý hành chính tương ứng với một lượng dân cư nhất định để bầu một số lượng đại biểu Quốc hội hay đại biểu Hội đồng nhân dân xác định.

Theo quy định tại Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì có các loại đơn vị bầu cử sau đây:

- Đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Theo đó, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Theo đó, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Theo đó, xã, phường, thị trấn được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

***28. Đề nghị cho biết khu vực bỏ phiếu là gì? Việc xác định khu vực bỏ phiếu được tiến hành như thế nào?***

***Trả lời***

Khu vực bỏ phiếu là phạm vi địa lý hành chính có số dân nhất định. Việc chia khu vực bỏ phiếu mang ý nghĩa kỹ thuật, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cử tri thực hiện quyền bầu cử của mình. Chính vì vậy, khu vực bỏ phiếu có phạm vi hành chính nhỏ hơn đơn vị bầu cử. Thông thường, các khu vực bỏ phiếu được thành lập theo các đơn vị hành chính cơ sở như xã, phường hoặc thôn, tổ dân phố, khu phố (cá biệt cũng có một số trường hợp đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có duy nhất 01 khu vực bỏ phiếu).

Theo quy định tại Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ 300 cử tri đến 4.000 cử tri. Ở miền núi, vùng cao, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ 300 cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu. Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 cử tri trở lên; đơn vị vũ trang nhân dân; cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Việc xác định đơn vị vũ trang nhân dân là khu vực bỏ phiếu riêng do Ban Chỉ huy đơn vị quyết định. Việc xác định các khu vực bỏ phiếu còn lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Đối với những huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

Số cử tri làm căn cứ để xác định thành lập khu vực bỏ phiếu là số lượng cử tri được xác định một cách tương đối tại thời điểm thành lập, phê chuẩn việc thành lập khu vực bỏ phiếu đó. Trên cơ sở các khu vực bỏ phiếu đã được xác định, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành việc lập và công bố danh sách cử tri. Sau khi danh sách cử tri đã được công bố, nếu có cử tri ở nơi khác chuyển đến và đăng ký bỏ phiếu tại địa phương thì Ủy ban nhân dân bổ sung tên cử tri vào danh sách cử tri và số cử tri này được tính vào tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu đó khi lập biên bản kết quả kiểm phiếu; trường hợp cử tri bị xóa tên trong danh sách cử tri, cử tri đã được chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác thì không được tính vào tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu.

***29. Đề nghị cho biết các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại các Điều 4, Điều 21 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm có:

- Hội đồng bầu cử quốc gia (do Quốc hội thành lập, có từ 15-21 thành viên, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên).

- Các Ủy ban bầu cử được thành lập ở các đơn vị hành chính có tổ chức Hội đồng nhân dân gồm:

+ Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

+ Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn.

- Các Ban bầu cử được thành lập ở từng đơn vị bầu cử gồm:

+ Ban bầu cử đại biểu Quốc hội.

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Các Tổ bầu cử được thành lập ở từng khu vực bỏ phiếu.

Riêng tại các địa phương thực hiện hoặc thí điểm thực hiện mô hình chính quyền đô thị, việc tổ chức các tổ chức phụ trách bầu cử theo quy định riêng.

***30. Đề nghị cho biết những ai không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử?***

***Trả lời***

Điều 27 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định những trường hợp sau không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử gồm: Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử. Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

***31. Đề nghị cho biết các nguyên tắc của việc lập danh sách cử tri?***

***Trả lời***

Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định nguyên tắc lập danh sách cử tri như sau:

- Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

- Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

***32. Đề nghị cho biết việc bỏ phiếu đối với những cử tri thay đổi nơi thường trú sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định thì trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

***33.*** ***Tôi là người mới đến tạm trú trên thành phố được 6 tháng (có Sổ tạm trú do Công an phường cấp), do xa quê nên dịp bầu cử sắp tới tôi không về quê được để bỏ phiếu tại nơi đăng ký thường trú, vì vậy bà G (tổ trưởng tổ dân phố) là thành viên của Tổ bầu cử đã thống nhất với tôi để ghi tên tôi vào danh sách cử tri. Đề nghị cho biết, tôi được bỏ phiếu bầu như thế nào?***

***Trả lời***

Tùy thuộc thời gian cư trú hoặc quan hệ gắn bó với địa phương nơi đăng ký tham gia bầu cử mà Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định từng nhóm đối tượng cử tri có phạm vi tham gia bầu cử không hoàn toàn giống nhau. Cụ thể là:

- Cử tri là người đăng ký thường trú tại khu vực bỏ phiếu và cử tri là người đăng ký tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đơn vị bỏ phiếu từ đủ 12 tháng trở lên thì được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (trừ nơi không có đơn vị hành chính cấp xã hoặc nơi thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường).

- Cử tri là người đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng thì chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở nơi mình tạm trú nếu có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại nơi tạm trú.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Như vậy, ông/bà chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện mà không được bỏ phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (phường).

***34. Đề nghị cho biết việc xử lý các tình huống khách quan có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử được quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Điều 15 Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 quy định việc xử lý các tình huống có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử như sau:

- Trường hợp dịch Covid-19 bùng phát thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, trên tinh thần là địa phương chủ động xây dựng các phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ (số [15/CT-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/chi-thi-15-ct-ttg-2020-quyet-liet-thuc-hien-dot-cao-diem-phong-chong-dich-covid-19-438342.aspx) ngày 27/3/2020, số [16/CT-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/chi-thi-16-ct-ttg-2020-thuc-hien-bien-phap-cap-bach-phong-chong-dich-covid-19-438648.aspx) ngày 31/3/2020 và số [19/CT-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=19/CT-TTg&match=True&area=2&lan=1) ngày 24/4/2020).

- Trường hợp mưa lũ đặc biệt nghiêm trọng, địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Trong trường hợp các tình huống phát sinh trên đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được, do vượt quá thẩm quyền thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại các khu vực này.

***35. Tôi sinh sống tại tỉnh Kon Tum nhưng chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú. Năm nay tôi 20 tuổi, làm nghề tự do, nay đây mai đó. Xin hỏi tôi có quyền tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Kon Tum không?***

***Trả lời***

Về nguyên tắc, mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Trên thực tế, ở một số địa phương, nhất là các tỉnh khu vực Tây Nguyên đang có một số lượng khá lớn người di cư tự do sinh sống thực tế trên địa bàn nhưng chưa thể hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương do nhiều lý do khác nhau (ví dụ như chưa có chỗ ở hợp pháp, chưa hoàn thành thủ tục hành chính hoặc không thực hiện việc đăng ký do không hiểu luật…).

Do đó, để bảo đảm quyền bầu cử của cử tri là người di cư tự do, tránh gây phiền hà cho cử tri trong việc thực hiện quyền cơ bản của công dân, thì theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia từ cuộc bầu cử năm 2016, Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho cử tri trên địa bàn biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để cử tri quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể là trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Trường hợp cử tri vẫn có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử như đối với cử tri là người tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng (do không có cơ sở để xác định thời gian bắt đầu cư trú tại địa phương).

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức để cử tri là người di cư tự do chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu của địa phương được xác định trên cơ sở các thôn, bản, cụm dân cư hiện có trên địa bàn.

Như vậy, nếu ông/bà có nguyện vọng được bầu cử tại tỉnh Kon Tum thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông/bà sinh sống có trách nhiệm ghi tên ông/bà vào danh sách cử tri và phát Thẻ cử tri, ông/bà có trách nhiệm bỏ phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

***36. Đề nghị cho biết cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại các Điều 29,32 và 34 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trường hợp cử tri đã đăng ký thường trú ở địa phương, nếu đã làm thủ tục khai báo tạm vắng trước khi đi lao động, học tập tại địa phương khác thì được coi là không thường trú tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri. Trong trường hợp này, công dân có quyền đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình đang tạm trú và thực hiện quyền bầu cử tại nơi tạm trú.

Trường hợp cử tri trở về nơi thường trú trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú để đề nghị được bổ sung tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú ở địa phương nhưng chưa làm thủ tục khai báo tạm vắng trước khi đi lao động, học tập tại địa phương khác thì dù trên thực tế đã vắng mặt dài ngày ở nơi thường trú, Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn phải ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri để họ thực hiện quyền bầu cử ở địa phương, trừ trường hợp bản thân cử tri hoặc người thân của cử tri đó đã thông báo nguyện vọng của cử tri về việc không tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Đồng thời cần có có biện pháp thông tin phù hợp để cử tri biết về việc danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử của mình.

***37. Đề nghị cho biết cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không?***

***Trả lời***

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định: “Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”. Như vậy, về nguyên tắc, cử tri là sinh viên, công nhân cần đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Trường hợp trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp được thành lập khu vực bỏ phiếu riêng thì cử tri là cán bộ, giáo viên, sinh viên, công nhân không thường trú hoặc tạm trú trong khu ký túc xá hoặc khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp mà có nguyện vọng tham gia bầu cử tại khu vực bỏ phiếu nơi có trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp (để thuận lợi hơn cho công việc và sinh hoạt của bản thân) có quyền xin cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 12/HĐBC) để được bổ sung vào danh sách cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo khu vực bỏ phiếu mới.

***38. Đề nghị cho biết những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 34 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri (ví dụ như đi công tác, đi học, du lịch, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thăm thân…) thì có thể xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Trường hợp người đã được ghi tên vào danh sách cử tri ở 01 khu vực bỏ phiếu nhưng gần đến ngày bầu cử được chuyển đi cách ly y tế tập trung ở địa phương khác cho đến hết ngày bầu cử theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không thể thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác như đã nêu ở trên thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri có trách nhiệm nắm thông tin, chủ động cấp giấy chứng nhận và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở cách ly tập trung để đề nghị bổ sung người này vào danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri mới nhằm giúp họ thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu có trách nhiệm cập nhật vào danh sách cử tri cùng dòng với họ và tên của người bị đưa đi cách ly tập trung nội dung ghi chú “bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế”.

***39. Đề nghị cho biết việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri sau khi danh sách cử tri đã được lập và niêm yết được thực hiện như thế nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thì từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi thường trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Khi xóa tên cử tri trong danh sách cử tri và cấp Giấy chứng nhận để cử tri đi bỏ phiếu ở nơi khác, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

- Người bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì tùy theo nguyện vọng của bản thân mà được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Công dân Việt Nam từ nước ngoài trở về trong khoảng thời gian nói trên, nếu chưa được ghi tên vào danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu nào thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tùy theo nguyện vọng của bản thân, xuất trình hộ chiếu để được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi Thẻ cử tri.

***40. Đề nghị cho biết, người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử sẽ bị xử lý như thế nào?***

***Trả lời***

Điều 95 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về xử lý vi phạm pháp luật về bầu cử như sau: “Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định cụ thể 2 tội danh liên quan đến bầu cử như sau:

*- Điều 160. Tội xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân của công dân*

1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

*- Điều 161. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân*

1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**II. TÌM HIỂU VỀ QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**

***41. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội?***

***Trả lời:***

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội được quy định tại Điều 74 Hiến pháp năm 2013 và Chương III Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, như sau:

- Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì kỳ họp Quốc hội;

- Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;

- Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

- Đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu Quốc hội;

- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước;

- Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân;

- Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp Quốc hội không thể họp được và báo cáo Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

- Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

- Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội;

- Phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.

***42. Đề nghị cho biết, đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách là gì?Thời gian làm việc của đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách được quy định như thế nào?***

***Trả lời:***

Đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách là đại biểu Quốc hội vừa làm nhiệm vụ đại biểu của Nhân dân vừa đảm nhiệm chức vụ khác trong các tổ chức Đảng, cơ quan quản lí hành chính nhà nước, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân (còn gọi là đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm).

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là Bộ trưởng Bộ X, ông A ứng cử đại biểu Quốc hội tại tỉnh B và được cử tri tỉnh B tín nhiệm, bầu là đại biểu Quốc hội. Như vậy ông A là đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách.

Để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, khoản 2 Điều 24 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội làm việc có trách nhiệm sắp xếp thời gian, công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

***43. Đề nghị cho biết đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách là gì?***

***Trả lời:***

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách là đại biểu chỉ làm nhiệm vụ đại biểu của Nhân dân và công việc Quốc hội giao. Số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 40% tổng số đại biểu Quốc hội (tương đương khoảng 200 đại biểu).

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách phải dành toàn bộ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu tại cơ quan của Quốc hội hoặc tại Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương (khoản 2 Điều 24 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014).

Một số vị trí yêu cầu phải là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách: Chủ tịch Quốc hội; các Phó Chủ tịch Quốc hội; Thành viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 2 Điều 44 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014); Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội (khoản 3 Điều 43 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014)…

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn chung của đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội chuyên trách được bố trí nơi làm việc và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu, được hưởng lương và phụ cấp khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

***44. Pháp luật có những quy định như thế nào để đảm bảo hoạt động cho đại biểu Quốc hội?***

***Trả lời***

Để bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Quốc hội, Điều 81 Hiến pháp năm 2013 và Điều 37 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định quyền miễn trừ của đại biểu Quốc hội. Nếu không có sự đồng ý của Quốc hội và trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội và không được khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội. Việc đề nghị bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Nếu vì phạm tội quả tang mà đại biểu Quốc hội bị tạm giữ thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và quyết định.

Đại biểu Quốc hội không thể bị cơ quan, đơn vị nơi đại biểu làm việc bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải nếu không được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý. Đại biểu Quốc hội được cung cấp đầy đủ tài liệu và thông tin cần thiết để hoạt động. Theo quy định của pháp luật hiện hành, đại biểu Quốc hội được cung cấp công báo, các văn kiện chính thức của kì họp Quốc hội, các tài liệu khác mà Chủ tịch Quốc hội xét có thể giúp đại biểu trong hoạt động của mình. Đối với các kì họp thường lệ của Quốc hội, đại biểu Quốc hội phải được thông báo trước ít nhất là ba mươi ngày. Trong trường hợp Quốc hội họp bất thường thì đại biểu Quốc hội phải được thông báo trước ít nhất là bảy ngày. Các báo cáo và tài liệu cần thiết có liên quan đến kì họp phải được gửi đến đại biểu Quốc hội trước khi Quốc hội họp. Ở địa phương, đại biểu Quốc hội được cung cấp báo và các văn bản có tính chất pháp luật của địa phương; được thông báo tình hình, tài liệu cần thiết khác, được mời dự hội nghị Hội đồng nhân dân nơi đại biểu được bầu ra.

Theo quy định tại Điều 42 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì đại biểu Quốc hội được tạo điều kiện thuận lợi để làm nhiệm vụ đại biểu; được bố trí thời gian và địa điểm gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri; được sắp xếp thời gian và phương tiện; được đài thọ lương và phụ cấp trong thời gian tạm thời không làm công tác thường xuyên của mình để làm nhiệm vụ đại biểu; được quyền ưu tiên mua vé tàu, xe, máy bay...; được hưởng chế độ cung cấp thuốc men, nằm bệnh viện theo tiêu chuẩn cán bộ trung cấp.

Đại biểu Quốc hội được cấp một khoản hoạt động phí hàng tháng do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

***45. Đề nghị cho biết, trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Quốc hội chuyển công tác đến tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương thì sẽ sinh hoạt với đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố nào?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Quốc hội chuyển công tác đến tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương thì được chuyển sinh hoạt đến Đoàn đại biểu Quốc hội nơi mình nhận công tác.

***46. Đề nghị cho biết, trường hợp nào thì đại biểu Quốc hội bị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội và trường hợp nào bị mất quyền đại biểu Quốc hội?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 39 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì:

- Trong trường hợp đại biểu Quốc hội bị khởi tố bị can thì Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội đó.

Đại biểu Quốc hội được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

- Đại biểu Quốc hội bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

***47. Đề nghị cho biết, trong trường hợp nào thì đại biểu Quốc hội bị bãi nhiệm?***

***Trả lời:***

Việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội được quy định tại Điều 40 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, theo đó, đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Quốc hội hoặc cử tri bãi nhiệm.

Trong trường hợp Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Quốc hội thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

***48. Đề nghị cho biết, đoàn đại biểu Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?***

***Trả lời***

Đoàn đại biểu Quốc hội là tổ chức của các đại biểu Quốc hội được bầu tại một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc được chuyển đến công tác tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 và khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội thì đoàn đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức để các đại biểu Quốc hội tiếp công dân; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở địa phương tổ chức, bảo đảm các điều kiện để đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri với các hình thức phù hợp;

- Tổ chức để các đại biểu Quốc hội thảo luận về dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác, dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội theo yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Tổ chức hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và tổ chức để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện nhiệm vụ giám sát tại địa phương; tham gia và phối hợp với Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong các hoạt động giám sát tại địa phương; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân mà đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội đã chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp thông tin, báo cáo về những vấn đề mà Đoàn đại biểu Quốc hội quan tâm;

- Báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội;

- Chỉ đạo hoạt động của bộ máy tham mưu, giúp việc phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội.

***49. Đề nghị cho biết lương, phụ cấp chức vụ, hoạt động phí của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ, bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Toà án, ngành Kiểm soát và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo các quy định này, lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức là đại biểu Quốc hội, thành viên của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội được quy định cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban có 2 bậc (bậc 1: hệ số 9,70; bậc 2: hệ số 10,30) có hệ số lương tương đương Bộ trưởng;

+ Đại biểu Quốc hội chuyên trách giữ các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban có hệ số phụ cấp chức vụ 1,30 tương đương Thứ trưởng;

+ Ủy viên thường trực Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có hệ số phụ cấp chức vụ 1,25 tương đương Tổng cục trưởng;

+ Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương có 2 mức: mức 1, hệ số 1,05; mức 2, hệ số 1,20;

Ngày 17/4/2017, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội đã quy định nguyên tắc chung của việc quy định chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội là phải phù hợp với quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính đến các yếu tố đặc thù trong hoạt động của Quốc hội. Theo đó, đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách bao gồm cả các đại biểu là thành viên Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội làm việc bảo đảm trả lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đại biểu Quốc hội nếu không hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được hưởng thù lao tham gia hoạt động Quốc hội bằng hệ số 0,2 mức lương cơ sở/ngày, tính cho 120 ngày làm việc/năm.

Bên cạnh đó, đại biểu Quốc hội được hưởng một khoản phụ cấp hoạt động phí bằng hệ số 1,0/tháng của mức lương tối thiểu và đại biểu Quốc hội chuyên trách được hưởng thêm phụ cấp công tác đại biểu Quốc hội chuyên trách bằng hệ số 2,0/tháng của mức lương tối thiểu (Điều 4 Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14).

***50. Đề nghị cho biết, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Quốc hội?***

***Trả lời:***

Chủ tịch Quốc hội do Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội. Với vị trí là người đứng đầu cơ quan quyền lực nhà nước, Chủ tịch Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 64 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, như sau:

- Chủ tọa các phiên họp của Quốc hội, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Quốc hội, các quy định về kỳ họp Quốc hội; ký chứng thực Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

- Lãnh đạo công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội; ký pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chủ tọa hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức.

- Triệu tập và chủ tọa hội nghị Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội bàn chương trình hoạt động của Quốc hội, của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; tham dự phiên họp của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội khi cần thiết.

- Giữ quan hệ với các đại biểu Quốc hội.

- Chỉ đạo việc thực hiện kinh phí hoạt động của Quốc hội.

- Chỉ đạo và tổ chức việc thực hiện công tác đối ngoại của Quốc hội; thay mặt Quốc hội trong quan hệ đối ngoại của Quốc hội; lãnh đạo hoạt động của đoàn Quốc hội Việt Nam trong các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực.

***51. Đề nghị cho biết, Ủy ban thường vụ Quốc hội họp khi nào? Những ai có quyền tham dự phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội?***

***Trả lời***

Điều 60, 61 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định:

Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban thường vụ Quốc hội họp thường kỳ mỗi tháng một phiên. Khi cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội họp theo quyết định của Chủ tịch Quốc hội hoặc khi có đề nghị của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ hay của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chủ tịch Quốc hội chủ tọa phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các Phó Chủ tịch Quốc hội giúp Chủ tịch Quốc hội trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Quốc hội.

Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội tham dự. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp, trường hợp không thể tham dự phiên họp thì phải báo cáo lý do để Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội được mời tham dự các phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội bàn về những nội dung thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách.

Đại diện các cơ quan, tổ chức hữu quan được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội khi bàn về những nội dung có liên quan.

***52. Xin hỏi, Quốc hội tổ chức họp bao nhiêu lần trong 1 năm? Quốc hội họp công khai hay họp kín?***

***Trả lời***

Điều 83 Hiến pháp năm 2013 và Điều 90 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định Quốc hội họp công khai.

Quốc hội quyết định họp kín trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

Quốc hội họp mỗi năm hai kỳ. Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường. Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập kỳ họp Quốc hội.

***53. Đề nghị cho biết, trong những trường hợp nào thì Quốc hội thành lập Ủy ban lâm thời?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 88 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì Ủy ban lâm thời được Quốc hội thành lập trong các trường hợp sau đây:

- Thẩm tra dự án luật, dự thảo nghị quyết hoặc báo cáo, dự án khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội hoặc có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Hội đồng dân tộc và nhiều Ủy ban của Quốc hội;

- Điều tra làm rõ về một vấn đề cụ thể khi xét thấy cần thiết.

Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập Ủy ban lâm thời theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

***54. Tôi muốn biết trong kỳ họp tới, Quốc hội bàn luận những vấn đề gì, xin hỏi, tôi có thể lấy thông tin về chương trình kỳ họp Quốc hội ở đâu?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội.

Dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 04 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp bất thường.

Quốc hội sẽ thảo luận và thông qua Chương trình kỳ họp tại phiên họp đầu tiên của kỳ họp.

Ông/bà có thể tham khảo thông tin về dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo giấy, báo điện tử, đài phát thanh, đài truyền hình, đặc biệt là Cổng thông tin điện tử Quốc hội - <https://quochoi.vn>, cập nhật đầy đủ, chi tiết về chương trình kỳ họp, các văn kiện của kỳ họp…).

***55. Đề nghị cho biết vị trí, vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng dân tộc?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 75 Hiến pháp năm 2013 và Điều 67 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì: Hội đồng dân tộc là cơ quan của Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hội đồng dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác. Chủ tịch Hội đồng dân tộc do Quốc hội bầu. Các Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Hội đồng dân tộc nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội về công tác dân tộc; thực hiện quyền giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Chủ tịch Hội đồng dân tộc được mời tham dự phiên họp của Chính phủ bàn về việc thực hiện chính sách dân tộc. Khi ban hành quy định thực hiện chính sách dân tộc, Chính phủ phải lấy ý kiến của Hội đồng dân tộc.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng dân tộc được quy định tại Điều 69 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, bao gồm:

- Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh về chính sách dân tộc; thẩm tra các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; thẩm tra việc bảo đảm chính sách dân tộc trong các dự án luật, pháp lệnh trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tham gia ý kiến về việc ban hành quy định thực hiện chính sách dân tộc của Chính phủ.

- Giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực dân tộc; giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Giám sát văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có liên quan đến công tác dân tộc.

- Trình dự án luật trước Quốc hội, dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội về lĩnh vực Hội đồng dân tộc phụ trách.

- Kiến nghị các vấn đề về chính sách dân tộc của Nhà nước, các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan hữu quan và về những vấn đề khác có liên quan đến công tác dân tộc.

***56. Xin hỏi, các cơ quan báo chí và công dân có quyền vào dự khi Quốc hội họp không?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 93 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì cơ quan báo chí có thể được mời dự các phiên họp công khai của Quốc hội. Công dân có thể được vào dự thính tại các phiên họp công khai của Quốc hội.

***57. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về các hình thức làm việc tại kỳ họp Quốc hội?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 94 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì các hình thức làm việc tại kỳ họp Quốc hội gồm:

- Các phiên họp toàn thể của Quốc hội.

- Các phiên họp do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức để thảo luận, xem xét về các nội dung thuộc chương trình kỳ họp.

- Các phiên họp do Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tổ chức để thảo luận, xem xét về các nội dung trong chương trình kỳ họp thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách.

- Các phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội thảo luận về các nội dung thuộc chương trình kỳ họp.

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Quốc hội mời Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội khác có liên quan trao đổi về những vấn đề trình Quốc hội xem xét, quyết định.

- Ý kiến phát biểu của đại biểu Quốc hội tại phiên họp toàn thể, phiên họp Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổ đại biểu Quốc hội, ý kiến góp ý bằng văn bản của đại biểu Quốc hội có giá trị như nhau và được tập hợp, tổng hợp đầy đủ để báo cáo Quốc hội.

***58. Đề nghị cho biết, Luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua phải đáp ứng điều kiện nào?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 85 Hiến pháp năm 2013 và khoản 3 Điều 96 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 thì Luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Hiến pháp được Quốc hội thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành (khoản 4 Điều 4 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014).

***59. Đề nghị cho biết trách nhiệm của Tổng Thư ký Quốc hội?***

***Trả lời***

Tổng Thư ký Quốc hội do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng Thư ký Quốc hội có trách nhiệm tham mưu, phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tham mưu cho Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình làm việc của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; về quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo nghị quyết về các nội dung do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao;

- Là người phát ngôn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức công tác cung cấp thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, bảo tàng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội;

- Tổ chức các nghiệp vụ thư ký tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; tập hợp, tổng hợp các ý kiến của đại biểu Quốc hội; ký biên bản kỳ họp, biên bản phiên họp;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao.

(xem khoản 1 Điều 98 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014).

Đồng thời khoản 2 Điều 99 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định Tổng Thư ký Quốc hội đồng thời là Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động của Văn phòng Quốc hội.

***60. Xin hỏi, Văn phòng Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn gì?***

***Trả lời***

Văn phòng Quốc hội là cơ quan hành chính, tham mưu tổng hợp, phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Quốc hội được quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, bao gồm:

- Tổ chức phục vụ các kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và các hoạt động khác của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;

- Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác phục vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội;

- Quản lý kinh phí hoạt động của Quốc hội;

- Chịu trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội; tạo điều kiện cho đại biểu Quốc hội trong việc trình dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh.

**III. TÌM HIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

***61. Đề nghị cho biết vị trí của Hội đồng nhân dân trong bộ máy Nhà nước Việt nam?***

***Trả lời***

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính, bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của cả nước là Quốc hội. Theo phân cấp hành chính, ở địa phương, cơ quan quyền lực nhà nước cấp tỉnh là Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan quyền lực nhà nước cấp huyện là Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan quyền lực nhà nước cấp xã là Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

***62. Bà A thường hay đưa cháu ra sân tập thể của khu dân cư hóng mát. Chiều nay bà nghe mấy bà hàng xóm kể có người mới chuyển đến khu dân cư, nghe đâu có “chức sắc to lắm, vừa là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện vừa là Trưởng ban Kinh tế của Hội đồng nhân dân huyện”. Bà A kể lại cho chồng (ông B) biết thì ông B cho rằng điều đó không chính xác, vì theo quy định của pháp luật, thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Xin hỏi quan điểm của ông B có đúng không?***

***Trả lời***

Ý kiến của ông B là đúng.

Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Khoản 2 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: Thường trực Hội đồng nhân dân huyện gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện.

Như vậy, Trưởng ban Kinh tế của Hội đồng nhân dân huyện là thành viên của Hội đồng nhân dân huyện, theo quy định thì không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân huyện (Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên của Ủy ban nhân dân).

***63. Đề nghị cho biết, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân được pháp luật quy định như thế nào?***

***Trả lời***

Điều 10 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định về nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân như sau:

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm, kể từ kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa sau. Chậm nhất là 45 ngày trước khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân khóa mới phải được bầu xong.

Việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hiện nay, cả nước đang tiến hành bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

***64. Đề nghị cho biết nguyên tắc và chế độ họp của Hội đồng nhân dân?***

***Trả lời***

Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số (khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.

- Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

- Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

- Cử tri ở xã, phường, thị trấn có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn họp, bàn và quyết định những công việc của xã, phường, thị trấn. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên mười phần trăm tổng số cử tri của xã, phường, thị trấn theo danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại cuộc bầu cử gần nhất thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

- Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín (xem Điều 78 Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2020)).

***65. Đề nghị cho biết Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng các hình thức như thế nào? Điều kiện thông qua các nghị quyết của Hội đồng nhân dân?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

- Hội đồng nhân dân quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

+ Biểu quyết công khai;

+ Bỏ phiếu kín.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

***66. Đề nghị cho biết, những ai được mời tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân?***

***Trả lời***

Theo quy định Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bao gồm:

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp trên được bầu tại địa phương được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân; đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Thành viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân; có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân hoặc chủ tọa phiên họp.

- Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân khi bàn về các vấn đề có liên quan.

- Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, khách quốc tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân.

***67. Có ý kiến cho rằng việc tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân là quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân nên đại biểu Hội đồng nhân dân có thể không phải tham dự đầy đủ các kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân? Xin hỏi ý kiến đó có đúng không?***

***Trả lời***

Ý kiến trên là sai.

Một trong những trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân là phải tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 93 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Theo đó, đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

***68. Ông A được Nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, mới làm được 02 năm thì ông phát hiện bị bệnh hiểm nghèo. Xin hỏi, ông A có thể xin thôi làm đại biểu Hội đồng nhân dân không?***

***Trả lời***

Trường hợp của ông A có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu thì phải xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu do Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Như vậy, ông A có thể xin thôi làm đại biểu Hội đồng nhân dân.

***69. Đề nghị cho biết, trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân vi phạm pháp luật, bị khởi tố thì có được tiếp tục làm đại biểu Hội đồng nhân dân nữa không?***

***Trả lời***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố bị can thì Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

***70. Ông N là người dân sống ở một tỉnh miền núi, có mật độ dân cư thưa thớt. Ông N hỏi tỉnh ông được bầu bao nhiêu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?***

***Trả lời***

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu căn cứ vào tổng số dân cư trên địa bàn tỉnh theo quy địnhtại Điều 18 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020):

Theo đó:

- Tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 500.000 dân thì cứ thêm 50.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 75 đại biểu;

- Tỉnh không thuộc trường hợp nêu trên có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 01 triệu dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu.

Như vậy, ông N cần xem thống kê dân cư trên địa bàn tỉnh ông là bao nhiêu người, từ đó mới xác định được số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu theo quy định nêu trên.

***71. Một trong những chức năng quan trọng của Hội đồng nhân dân là thực hiện giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Đề nghị cho biết, Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát như thế nào?***

***Trả lời***

Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 87 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội đồng nhân dân quyết định nội dung giám sát theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân trình trên cơ sở các kiến nghị của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương.

- Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

+ Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

+ Xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

+ Xem xét văn bản của Ủy ban nhân dân cùng cấp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

+ Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

+ Thành lập Đoàn giám sát về một vấn đề nhất định khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

***72. Đề nghị cho biết, những chức vụ nào trong Hội đồng nhân dân sẽ bỏ phiếu tín nhiệm? Xử lý trường hợp không tín nhiệm như thế nào?***

***Trả lời***

Việc bỏ phiếu của Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

- Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm trong các trường hợp sau đây:

+ Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;

+ Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

+ Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

- Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân bỏ phiếu không tín nhiệm có thể xin từ chức. Trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu chức vụ đó có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc miễn nhiệm người không được Hội đồng nhân dân tín nhiệm.

***73. Đề nghị cho biết vai trò, vị trí và nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân?***

***Trả lời***

Theo Khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và các quy định khác của luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương bao gồm:

- Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

- Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

- Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

- Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

- Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân và việc cho thôi làm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

- Trình Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định pháp luật.

- Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân cùng cấp lên Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

- Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

***74. Đề nghị cho biết thành viên của thường trực Hội đồng nhân dân gồm những ai? Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên thường trực Hội đồng nhân dân?***

***Trả lời***

Thành viên của thường trực Hội đồng nhân dân gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh, thành phố là các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; cấp huyện, cấp xã là một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân) và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

Về nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và công dân.

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

- Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

***75. Đề nghị cho biết vai trò của Hội đồng nhân dân trong điều chỉnh địa giới hành chính?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 132 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, việc điều chỉnh địa giới hành chính do Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết.

Cụ thể như sau:

- Sau khi lấy ý kiến cử tri về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, nếu có trên năm mươi phần trăm (trên 50%) tổng số cử tri trên địa bàn tán thành thì cơ quan xây dựng đề án có trách nhiệm hoàn thiện đề án và gửi Hội đồng nhân dân ở các đơn vị hành chính, có liên quan để lấy ý kiến.

- Trên cơ sở ý kiến của cử tri địa phương, dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính do cơ quan chịu trách nhiệm gửi đến, Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh có liên quan thảo luận, biểu quyết về việc tán thành hoặc không tán thành chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính theo trình tự từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc tán thành hoặc không tán thành chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính được gửi đến Hội đồng nhân dân cấp huyện; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện được gửi đến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Bộ Nội vụ để tổng hợp chung, báo cáo Chính phủ và cấp có thẩm quyền quyết định.

**IV. TÌM HIỂU VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC**

***76. Đề nghị cho biết, việc phân loại các cơ quan nhà nước được thực hiện như thế nào?***

***Trả lời***

Có nhiều căn cứ để phân loại các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

a) Căn cứ vào vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thì phân thành 04 hệ thống như sau:

- Hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước, bao gồm Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

- Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước, bao gồm Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Hệ thống các cơ quan xét xử, gồm có Tòa án nhân dân tối cao và các tòa án khác do luật định.

- Hệ thống cơ quan kiểm sát gồm có Viện kiểm sát nhân tối cao và các viện kiểm sát khác do luật định.

Ngoài bốn hệ thống cơ quan nhà nước nói trên, trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn có Chủ tịch nước, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

b) Căn cứ vào thẩm quyền, địa giới hành chính và cấu trúc lãnh thổ:

- Cơ quan nhà nước ở Trung ương, gồm có: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

- Cơ quan nhà nước ở địa phương, gồm có: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, các Tòa án nhân dân và các Viện Kiểm sát nhân dân.

***77. Đề nghị cho biết hệ thống các cơ quan quyền lực của nước ta? Mối quan hệ giữa những cơ quan này?***

***Trả lời***

Hệ thống cơ quan quyền lực của nhà nước ta bao gồm Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

- Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

- Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân được tổ chức ở tại 03 cấp hành chính là cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Mối quan hệ giữa Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là mối quan hệ theo chiều dọc từ cơ quan quyền lực nhà nước cấp trên với cơ quan quyền lực nhà nước cấp dưới (theo 04 cấp hành chính: cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện cấp xã). Theo đó:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội; Hội đồng nhân dân cấp huyện phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân cấp xã phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cấp huyện về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình[[1]](#footnote-1).

- Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; quyết định bãi bỏ hoặc theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu Quốc hội bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; quyết định giải tán hoặc theo đề nghị của Chính phủ quyết định giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân (Điều 55 Luật Tổ chức Quốc hội).

- Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp dưới (xem điểm b khoản 1 Điều 4 và điểm b khoản 1 Điều 5 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân).

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện; giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn (xem điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

- Hội đồng nhân dân cấp huyện có quyền bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã; giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn trước khi thi hành (xem điểm e, điểm h khoản 1 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

- Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn; kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn; Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã phải được Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn (xem Điều 83, 84 Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

***78. Việc bầu các chức danh lãnh đạo trong bộ máy nhà nước ở trung ương được thực hiện như thế nào?***

***Trả lời***

Điều 8 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định việc bầu các chức danh trong bộ máy nhà nước như sau:

- Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trong số các đại biểu Quốc hội theo danh sách đề cử chức vụ từng người của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Quốc hội bầu Chủ tịch nước trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước.- Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước.

- Quốc hội bầu Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo đề nghị của Chủ tịch nước.

- Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hộitheo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ngoài nhữngngười do cơ quan hoặc người có thẩm quyền quy định nêu trên đề nghị, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định danh sách những người ứng cử để bầu vào chức danh quy định tại Điều này trong trường hợp đại biểu Quốc hội ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử.

- Sau khi được bầu, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp.

***79. Đề nghị cho biết, Quốc hội phê chuẩn những chức danh lãnh đạo nào trong bộ máy nhà nước ở Trung ương?***

***Trả lời***

Quốc hội thực hiện việc phê chuẩn các chức danh lãnh đạo trong bộ máy nhà nước theo Điều 9 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 như sau:

- Phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ theo danh sách đề cử chức vụ từng người.

- Phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh theo đề nghị của Chủ tịch nước.

- Phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

***80. Đề nghị cho biết vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước? Chủ tịch nước do cơ quan nào bầu ra?***

***Trả lời***

Theo Điều 86, Điều 87 Hiến pháp năm 2013 thì Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước.

***81. Xin hỏi về nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước?***

***Trả lời***

Điều 88 Hiến pháp năm 2013 quy địnhChủ tịch nước có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ;

- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;

- Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;

- Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

- Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế quy định tại khoản 14 Điều 70; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

***82. Đề nghị cho biết hệ thống các cơ quan hành chính của nước ta?***

***Trả lời***

Hệ thống cơ quan hành chính của nước ta được tổ chức từ trung ương đến cơ sở. Trung ương có Chính phủ, ở địa phương có Ủy ban nhân dân các cấp.

Trong đó:

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước (Xem Điều 94 Hiến pháp năm 2013).

Giúp Chính phủ thực hiện chức nước quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực có các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên (xem Điều 114 Hiến pháp năm 2013). Ủy ban nhân dân được tổ chức ở các cấp hành chính gồm cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương có các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện (các sở, cơ quan ngang sở ở cấp tỉnh và các phòng ở cấp huyện) (xem Điều 9 Luật tổ chức chính quyền địa phương).

***83. Đề nghị cho biết vị trí, chức năng của Chính phủ?***

***Trả lời***

Theo Điều 94 Hiến pháp năm 2013, Điều 1 Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 thì Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

***84. Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn như thế nào?***

***Trả lời***

Theo Điều 96 Hiến pháp năm 2013 thì Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

- Đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân;

- Trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định;

- Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

- Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài;

- Phối hợp với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

***85. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ đối với chính quyền địa phương?***

***Trả lời***

Chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân các cấp và Ủy ban nhân dân các cấp. Trong đó, Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để bảo đảm nguyên tắc “quyền lực nhà nước là thống nhất” và sự quản lý thống nhất của trung ương, Điều 25 Luật tổ chức Chính phủ, Chính phủ có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đối với chính quyền địa phương:

- Thực hiện phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật;

- Phân cấp cho chính quyền địa phương quyết định hoạc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng của chính quyền địa phương.

- Có thể ủy quyền cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ theo năng lực và điều kiện cụ thể của chính quyền địa phương.

- Hướng dẫn và kiểm tra Hội đồng nhân dân thực hiện Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo luật định.

- Lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp.

- Giải quyết kiến nghị của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cử tri.

- Quy định các chế độ, chính sách đối với chức danh của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

***86. Xin cho biết cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ?***

***Trả lời***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Hiến pháp năm 2013 và Điều 2 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ gồm:

- Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

- Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm các bộ, cơ quan ngang bộ. Hiện nay có 18 bộ và 04 cơ quan ngang bộ.

18 Bộ bao gồm: (1) Bộ Quốc phòng; (2) Bộ Công an; (3) Bộ Ngoại giao; (4) Bộ Nội vụ; (5) Bộ Tư pháp; (6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (7) Bộ Tài chính; (8) Bộ Công thương; (9) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (10) Bộ Giao thông vận tải; (11) Bộ Xây dựng; (12) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (13) Bộ Thông tin và Truyền thông; (14) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; (15) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (16) Bộ Khoa học và Công nghệ; (17) Bộ Giáo dục và Đào tạo; (18) Bộ Y tế.

04 cơ quan ngang bộ bao gồm: (1) Ủy ban Dân tộc; (2) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (3) Thanh tra Chính phủ; (4) Văn phòng Chính phủ.

Việc thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ do Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

***87. Tại kỳ họp gần đây, Quốc hội đã thông qua dự thảo Luật X. Hỏi để tổ chức thi hành Luật này, Chính phủ cần làm những việc gì?***

***Trả lời***

Điều 6 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật như sau:

- Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật.

- Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án.

- Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, để triển khai thi hành Hiến pháp và pháp luật nói chung, Luật X nói riêng Chính phủ có các nhiệm vụ và quyền hạn như quy định tại Điều 6 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) nêu trên.

***88. Đề nghị cho biết nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ta?***

***Trả lời***

Điều 23 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước như sau:

- Thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

- Trình Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ; thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh.

- Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***89. Thủ tướng Chính phủ do cơ quan nào bầu cử và có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?***

***Trả lời***

Căn cứ quy định tại Điều 98 Hiến pháp năm 2013, Điều 4 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.

Điều 98 Hiến pháp năm 2013, Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định nhiệm vụ và quyền hạn Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí:

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các văn bản pháp luật và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thành viên Chính phủ; quyết định các vấn đề khi còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

- Lãnh đạo việc thực hiện công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động của bộ máy nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Lãnh đạo, chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và các chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên các lĩnh vực quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh;

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong phạm vi toàn quốc.

b) Lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, liên tục của nền hành chính quốc gia:

- Quản lý và điều hành hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương trong quá trình phục vụ Nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và tăng cường quốc phòng, an ninh;

- Chỉ đạo việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương;

- Quyết định phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý, điều hành toàn bộ cơ sở vật chất, tài chính và nguồn ngân sách nhà nước để phục vụ cho sự vận hành của bộ máy nhà nước;

- Ủy quyền cho Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính và cải cách chế độ công vụ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương;

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

c) Trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; trong thời gian Quốc hội không họp, trình Chủ tịch nước quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

d) Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Trong thời gian Quốc hội không họp, quyết định giao quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong trường hợp khuyết Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức Thứ trưởng, chức vụ tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ.

h) Phê chuẩn việc bầu, miễn nhiệm và quyết định điều động, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới khi không hoàn thành nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao hoặc vi phạm pháp luật.

i) Đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bãi bỏ.

k) Quyết định và chỉ đạo việc đàm phán, chỉ đạo việc ký, gia nhập điều ước quốc tế thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; tổ chức thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

l) Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định thành lập hội đồng, Ủy ban hoặc ban khi cần thiết để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành.

m) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Chính phủ.

***90. Đề nghị cho biết trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ?***

***Trả lời***

Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu hệ thống cơ quan hành chính của nước ta. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Điều 29 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) như sau:

- Chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương; về các quyết định và kết quả thực hiện các quyết định của mình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Thực hiện báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; giải trình, trả lời chất vấn trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, trường hợp vắng mặt thì ủy quyền cho Phó Thủ tướng Chính phủ thực hiện.

- Thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

***91. Đề nghị cho biết Phó Thủ tướng Chính phủ có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?***

***Trả lời***

Điều 31 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định:

- Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ được phân công.

- Khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, một Phó Thủ tướng Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm thay mặt Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính phủ.

***92. Xin hỏi về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là thành viên Chính phủ?***

***Trả lời***

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) như sau:

- Tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể Chính phủ; cùng tập thể Chính phủ quyết định và liên đới chịu trách nhiệm các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

- Đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, chính sách, cơ chế, văn bản pháp luật cần thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động làm việc với Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về công việc của Chính phủ và công việc khác có liên quan; chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung và tiến độ trình các đề án, dự án, văn bản pháp luật được giao.

- Tham dự phiên họp Chính phủ và tham gia biểu quyết tại phiên họp Chính phủ.

- Thực hiện các công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực được phân công hoặc ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành pháp luật, việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về ngành, lĩnh vực được phân công.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền.

***93. Với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có nhiệm vụ và quyền hạn như thế nào?***

***Trả lời***

Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ được quy định tại Điều 34 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) như sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm cá nhân về mọi mặt công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được phê duyệt, các nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ giao.

- Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ mà mình là người đứng đầu.

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức Thứ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công; ban hành hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách phát triển ngành, lĩnh vực được phân công.

- Thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện phân cấp quản lý công chức, viên chức đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

- Quyết định phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo phạm vi lãnh thổ; phân cấp, ủy quyền cho các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Quyết định chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và các định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

- Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, đình chỉ công tác, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

- Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và tài chính, ngân sách nhà nước được giao; quyết định biện pháp tổ chức phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong ngành, lĩnh vực được phân công.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức trong ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội; giải trình về những vấn đề Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quan tâm; trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội về những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

***94. Ông H là Bộ trưởng Bộ X, trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, ông H đã có nhiều sai phạm gây hậu quả nghiêm trọng. Sau khi xem xét tính chất, mức độ vi phạm của ông H, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản đề nghị cách chức Bộ trưởng đối với ông H. Hỏi cơ quan nào có thẩm quyền phê chuẩn đề nghị trên của Thủ tướng Chính phủ?***

***Trả lời***

Khoản 3 Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định:

*“Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ*

*3. Trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; trong thời gian Quốc hội không họp, trình Chủ tịch nước quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.”*

Như vậy, Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn đề nghị cách chức Bộ trưởng đối với ông H theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

***95. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân?***

***Trả lời***

Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân như sau:

a) Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

b) Tòa án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình tố tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân.

Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

c) Khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền:

- Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án;

- Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do Luật sư, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp;

- Khi xét thấy cần thiết, trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc Tòa án kiểm tra, xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người khác trình bày về các vấn đề có liên quan đến vụ án tại phiên tòa; khởi tố vụ án hình sự nếu phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm;

- Ra quyết định để thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

d) Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của luật tố tụng.

đ) Xử lý vi phạm hành chính; xem xét đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước và quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính liên quan đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật.

e) Ra quyết định thi hành bản án hình sự, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt, xóa án tích, miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước; thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành án dân sự.

Ra quyết định hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính do Tòa án áp dụng và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

g) Trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời Tòa án kết quả xử lý văn bản pháp luật bị kiến nghị theo quy định của pháp luật làm cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án.

h) Bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử.

j) Thực hiện quyền hạn khác theo quy định của luật.

***96. Đề nghị cho biết, trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 89 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014, trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân được quy định như sau:

- Trung thành với Tổ quốc, gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

- Tham gia xét xử theo sự phân công của Chánh án Tòa án mà không được từ chối, trừ trường hợp có lý do chính đáng hoặc do luật tố tụng quy định.

- Độc lập, vô tư, khách quan trong xét xử, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

- Tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Giữ bí mật nhà nước và bí mật công tác theo quy định của pháp luật.

- Tích cực học tập để nâng cao kiến thức pháp luật và nghiệp vụ xét xử.

- Chấp hành nội quy, quy chế của Tòa án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

Hội thẩm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà gây thiệt hại thì Tòa án nơi Hội thẩm đó thực hiện nhiệm vụ xét xử phải có trách nhiệm bồi thường và Hội thẩm đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

***97. Bà M là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao. Trong nhiệm kỳ, bà M mắc bệnh hiểm nghèo, nhận thấy không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc cho đến hết nhiệm kỳ, bà M đã làm đơn xin miễn nhiệm chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao. Hỏi ai có thẩm quyền miễn nhiệm chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao đối với bà M?***

***Trả lời***

Khoản 1 Điều 35 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014 quy định như sau:*“Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.”*

Trong tình huống trên, vì tình hình sức khỏe không đảm bảo nên bà M đã làm đơn xin miễn nhiệm chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao khi chưa hết nhiệm kỳ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là người có quyền miễn nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao.

***98. Đề nghị cho biết, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 63 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân 2014, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác và xây dựng Viện kiểm sát nhân dân; quyết định các vấn đề về công tác của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị, điều lệ, quy chế, chế độ công tác áp dụng đối với Viện kiểm sát nhân dân.

- Quy định bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn; quyết định bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới; quy định bộ máy làm việc của Viện kiểm sát quân sự sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

- Trình Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Điều tra viên các ngạch, Kiểm tra viên các ngạch.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền.

- Kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh; chỉ đạo việc xây dựng và trình dự án luật, pháp lệnh theo quy định của pháp luật; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

- Trình Chủ tịch nước ý kiến của mình về những trường hợp người bị kết án xin ân giảm án tử hình.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tổng kết kinh nghiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân.

- Tham dự các phiên họp của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bàn về việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.

- Kiến nghị với Chính phủ, các bộ, ngành trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

- Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước; trả lời chất vấn, kiến nghị, yêu cầu của đại biểu Quốc hội.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

***99. Đề nghị cho biết, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao do ai bổ nhiệm? Nhiệm vụ và quyền hạn?***

***Trả lời***

Theo quy định tại Điều 68 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân 2014 thì:

- Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

- Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, theo sự phân công hoặc ủy quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp mình; chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp mình và trước pháp luật.

- Nhiệm kỳ của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là 05 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm.

***100. Bà K là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, nhiệm kỳ 05 năm. Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, bà K đã có những vi phạm nghiêm trọng. Hỏi ai có thẩm quyền cách chức chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện X đối với bà K?***

***Trả lời***

Khoản 1 Điều 67 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định:*“Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.”*

Trong tình huống trên, trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện X, bà K đã có những vi phạm nghiêm trọng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân 2014, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là người có thẩm quyền cách chức Viện Kiểm sát nhân dân huyện X đối với bà K./.

-----------------------------------------------

1. Xem khoản 1 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. [↑](#footnote-ref-1)